

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ ĐẠT CHUẨN NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Báo cáo số: 46 /BC-UBND ngày 04 / 8 /2025 của UBND xã Đắk Môn)

DVT: Xã

STT	Tiêu chí và chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo vùng		Kết quả rà soát xã mới sau sáp nhập	Ghi chú
		Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại		
1	Quy hoạch				
1.1	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt		Chưa đạt	UBND xã đã thực hiện đến bước thông qua nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Môn đến năm 2040 (xã Đắk Môn, và xã Đắk Kroong cũ); xin chủ trương điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung xây dựng NTM và Đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) xây dựng khu trung tâm xã. Tuy nhiên do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp nên các bước triển khai tiếp theo chưa thực hiện được
1.2	Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt			
2	Giao thông				
2.1	Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%		100%	
2.2	Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	100%	100%	20,898/20,898 km được cứng hóa
2.3	Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (60% được cứng hóa)	100% (80% được cứng hóa)	96,90% (15,65/16,15 km)	
2.4	Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥60%	≥70%	Đạt 54,11%. (46,45/85,85km)	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai				
3.1	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt		Đạt	
3.2	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt		Đạt	
4	Điện				
4.1	Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt		Đạt	
4.2	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%	≥98%	Đạt	100%
5	Trường học (Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định)	- Xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất(CSVC) tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1. - Xã có từ 03 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1.		Chưa đạt	Hiện có 1/5 trường TH&THCS đã đạt chuẩn Mức độ 1, đạt 25%)
6	Cơ sở vật chất văn hoá				
6.1	Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã			Đạt	
6.2	Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định			Đạt	
6.3	Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng			Đạt 100%	

STT	Tiêu chí và chỉ tiêu		Chỉ tiêu theo vùng		Kết quả rà soát xã mới sau sáp nhập	Ghi chú
			Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa)				Đạt	
8	Thông tin và Truyền thông					
8.1	Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đạt		Đạt	
8.2	Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt		Đạt	
8.3	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt		Chưa đạt	06/18 có đài truyền thanh và hệ thống loa; 12/18 thôn hệ thống đài truyền thôn và loa bị hư hỏng
8.4	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		Đạt		Đạt	
9	Nhà ở dân cư					
9.1	Nhà tạm, dột nát		Không		Đạt	
9.2	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		≥75%		100%	2446/2446 nhà
10	Thu nhập (Thu nhập bình quân đầu người)	Năm 2021	≥36	≥41	Đạt	
		Năm 2022	≥39	≥44	Đạt	
		Năm 2023	≥42	≥47	Đạt	
		Năm 2024	≥45	≥50	Đạt	
		Năm 2025	≥48	≥53	Chưa đánh giá	
11	Nghèo đa chiều (Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025)		≤13%	≤8,5%	Đạt	
12	Lao động					
12.1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥70%		Chưa đạt (63,01%)	Lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ) 4.668/7.408 người
12.2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥20%		Chưa đạt (17,75%)	1.315 người/7.408 người có bằng cấp, chứng chỉ
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn					
13.1	Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp		Đạt		Đạt	
13.2	Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt		Đạt	

STT	Tiêu chí và chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo vùng		Kết quả rà soát xã mới sau sáp nhập	Ghi chú
		Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại		
13.3	Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	100% sản phẩm chủ lực có hồ sơ thực hiện truy xuất nguồn gốc (trong đó có ít nhất 01 sản phẩm được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương		Chưa đạt	Các sản phẩm chủ lực của xã gồm Cà phê, cao su,...Xã đang triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc
13.4	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt		Đạt	
13.5	Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt		Đạt	
14	Giáo dục và Đào tạo				
14.1	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2. - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: $\geq 98\%$. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. - Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá.		Đạt	
14.2	Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$		Đạt (70%)	
15	Y tế				
15.1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$		Chưa đạt	Đạt 88,39%,
15.2	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt		Đạt	
15.3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 26,5\%$		Đạt	Đạt 5,41%
15.4	Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt		Đạt	Đạt
16	Văn hoá (Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới)	70%		Đạt	
17	Môi trường và An toàn thực phẩm				
17.1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 30\%$ (trong đó $\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung (nếu có)1)		Chưa đạt	Nước sinh hoạt từ hệ thống cấp nước tập trung chưa được kiểm nghiệm, xét nghiệm
17.2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$		Đạt	
17.3	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt		Đạt	
17.4	Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	Đạt		Đạt	
17.5	Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt		Đạt	
17.6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$		Đạt 80%	Hiện tại xã chưa có bãi rác thải tập trung. Do đó các hộ gia đình cơ bản đã có đào hố để xử lý rác thải tại nhà

STT	Tiêu chí và chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo vùng		Kết quả rà soát xã mới sau sáp nhập	Ghi chú
		Các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã còn lại		
17.7	Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		Đạt 100%	
17.8	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%		Đạt	có 2.406/3.084 hộ có nhà tiêu, nhà tắm HVS; 2.791/3.084 hộ có thiết bị chứa nước; có 2.240/3.084 hộ đảm bảo 3 sạch
17.9	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥60%		Đạt 70%	
17.10	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		100%	
17.11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%		Đạt 30%	
17.12	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥30%		Đạt 30%	
18	<i>Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật</i>				
18.1	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt		Đạt	
18.2	Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		Đạt	
18.3	Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%		Đạt	
18.4	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt		Đạt	
18.5	Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt		Đạt	
18.6	Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt		Đạt	
19	<i>Quốc phòng và An ninh</i>				
19.1	Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt		Đạt	
19.2	Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt		Đạt	